



DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.046

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG TỈNH CÀ MAU

Nguyễn Phước Hoàng*

Trung tâm Thông tin ứng dụng Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Phước Hoàng (email: hoangxsd26@gmail.com)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 25/11/2019

Ngày nhận bài sửa: 20/03/2020

Ngày duyệt đăng: 29/04/2020

Title:

Factors affecting the sustainable ecotourism development - A case study in Ca Mau province

Từ khóa:

Du lịch sinh thái, bền vững, Cà Mau

Keywords:

Ca Mau, ecotourism, sustainable

ABSTRACT

This study is aimed to determine factors affecting the sustainable ecotourism development in Ca Mau, thus making recommendations for the sustainable development of Ca Mau ecotourism. Factor analysis and linear regression were used. The study results showed that six factors affected the sustainable ecotourism development in Ca Mau including (i) Economic resources, (ii) Natural resources, (iii) Cultural and social resources, (iv) Environmental resources, (v) Tourism management policy, (vi) Human resources. Of which, Economic resources and Human resources had the greatest influence on sustainable ecotourism development in Ca Mau. Some recommendations were proposed to enhance sustainable ecotourism development in Ca Mau.

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm phát triển du lịch sinh thái Cà Mau bền vững. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá kết hợp hồi quy tuyến tính được sử dụng để thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững gồm: (i) tài nguyên kinh tế, (ii) tài nguyên thiên nhiên, (iii) tài nguyên văn hóa - xã hội, (iv) tài nguyên môi trường, (v) chính sách quản lý du lịch, (vi) tài nguyên con người. Trong đó yếu tố tài nguyên kinh tế và tài nguyên con người ảnh hưởng mạnh nhất. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát triển du lịch sinh thái bền vững cho tỉnh Cà Mau.

Trích dẫn: Nguyễn Phước Hoàng, 2020. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái bền vững tỉnh Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(2D): 185-194.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Cà Mau với diện tích 5.294 km² có hai hệ sinh thái rừng ngập mặn và ngập ngọt đại diện bởi Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau và Vườn Quốc gia U Minh Hạ được xếp vào Khu dự trữ sinh quyển thế giới, là tỉnh nằm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch sinh thái bền vững của khu vực đồng bằng nói riêng và của Việt Nam nói chung (Nguyễn Thành Sang, 2014). Những năm gần đây, ngành du lịch của tỉnh

đã có những bước phát triển mạnh, cụ thể năm danh thu 2018 đạt 2.200 tỷ với hơn 1,4 triệu lượt khách tăng 16% so với năm 2017. Với những kết quả đó, việc phát triển du lịch mang lại những tác động tích cực thì ngược lại Cà Mau cũng chịu không ít hệ lụy đến môi trường thông qua các ngày nghỉ lễ kéo dài, sự quá tải của du khách ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái khu du lịch và làm tăng mức độ suy thoái cảnh quan thiên nhiên và ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là các khu du lịch ven biển và hệ sinh thái rừng

U Minh Hạ và các khu du lịch trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Từ các hoạt động du lịch sẽ làm tăng lượng khí thải, rác thải và tăng nguy cơ ô nhiễm không khí. Nếu chỉ tính riêng cho thiết bị máy điều hòa dùng cho khách sạn thì lượng khí CFCs (lượng khí thải chính ảnh hưởng đến tầng ozone của khí quyển) thải ra ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, song song đó mức độ lưu thông xe bị ách tắc khí CO₂ tăng ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường. Ngoài ra các địa điểm kinh doanh du lịch trên địa bàn cũng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các hộ dân nuôi tôm siêu thâm canh xả thải trực tiếp ra môi trường, làm ảnh hưởng đến thủy sinh và tài nguyên thiên nhiên và đe dọa sức khỏe con người (Bộ NN và PTNT, 2009)

Vì vậy, nghiên cứu này nhằm định hướng phát triển du lịch sinh thái bền vững gắn với bảo vệ môi trường và đề xuất một số khuyến nghị phát triển du lịch bền vững hơn trong tương lai cho tỉnh Cà Mau.

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

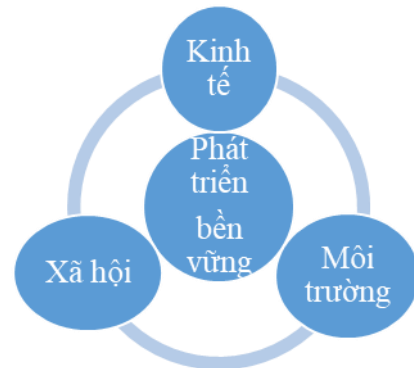
2.1 Cơ sở lý thuyết về phát triển du lịch sinh thái bền vững

Du lịch bền vững là khái niệm được phát triển từ khái niệm du lịch của những năm 90 và thực sự được mọi người quan tâm trong những năm gần đây. Butler's (1993) cho rằng phát triển du lịch bền vững là quá trình phát triển và duy trì trong một không gian và thời gian nhất định (ở đó tồn tại cộng đồng, môi trường), thêm nữa sự phát triển sẽ không làm giảm khả năng thích ứng môi trường của con người trong khi vẫn có thể ngăn chặn những tác động tiêu cực tới sự phát triển lâu dài (Butler, 1993). Đây là quan điểm đã nhận được sự đồng thuận khá cao của các tác giả khác như Murphy (1994) và Machado (2003) ông cho rằng phát triển du lịch bền vững là quá trình phát triển các sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch và cộng đồng địa phương mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai.

Theo nghiên cứu của Ko (2005) cho rằng, môi trường sinh thái tự nhiên phải được cụ thể hóa bằng mặt sinh thái du lịch, bên cạnh đó khía cạnh bền vững cần bao gồm cả các tác động như: thể chế chính trị, công nghệ, văn hóa xã hội, tài nguyên kinh tế, chính sách, tài nguyên con người và hạ tầng kỹ thuật. Đồng với quan điểm đó trong nghiên cứu của Mowforth and Munt (2015), yếu tố môi trường trong phát triển du lịch bền vững còn cụ thể hóa thành tác động của du lịch đến môi trường, chất lượng hệ sinh

thái, tính đa dạng sinh học, cuộc sống của người dân và chính sách bảo vệ môi trường.

Để đánh giá và xây dựng thang đo lường phát triển bền vững dựa vào ba bộ tiêu chí đã có trên thị trường nhằm góp phần đánh giá một cách toàn diện hơn khía cạnh phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, ba bộ tiêu chí đánh giá các hoạt động của các doanh nghiệp, công ty về khía cạnh đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Các bộ tiêu chí này đang được sử dụng nhiều trên thế giới, bao gồm bộ tiêu chí phát triển bền vững Dow Jones được công bố vào năm 1999; Bộ tiêu chí của tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI: Global Reporting Initiative, 2002); Bộ tiêu chí trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR). Nhưng các bộ tiêu chí này không chú trọng đến nhân tố an sinh xã hội nằm trong thành phần xã hội bền vững. Do đó, việc nghiên cứu này theo điều kiện như Việt Nam thì cần phải bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với thị trường đang phát triển. Tính bền vững được cụ thể hóa qua hình Hình 1.



Hình 1: Mối quan hệ trong phát triển bền vững

(Nguồn: Đào Thị Bích Nguyệt, 2012)

2.1.1 Phát triển du lịch sinh thái bền vững

Phát triển du lịch bền vững là quá trình phát triển và duy trì trong một không gian và thời gian nhất định, thêm vào đó sự phát triển sẽ không làm giảm khả năng thích ứng môi trường của con người trong khi vẫn có thể ngăn chặn những tác động tiêu cực tới sự phát triển lâu dài (Butler, 1993). Đây là quan điểm đã nhận được sự đồng thuận khá cao của các tác giả khác như Murphy (1994) và Hens (1998) chỉ ra rằng phát triển du lịch bền vững đòi hỏi sự quan tâm của các bên có liên quan đến việc quản lý các nguồn tài nguyên theo các cách thức khác nhau nhằm khai thác và cung cấp các sản phẩm du lịch đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hóa, đa dạng hệ sinh thái và bảo đảm sự sống cho thế hệ mai sau.

Các quan điểm du lịch sinh thái bền vững cụ thể được thể hiện rõ trong các phương diện sau:

Về bền vững sinh thái: Maldonado (1992) đề xuất tính khả năng chịu đựng của điều kiện sinh thái là phương án quan trọng để đánh giá tác động của môi trường và tính bền vững.

Về bền vững xã hội: Stonich (1995) đã cung cấp một cơ sở rõ ràng trên Quần đảo Bay của Honduras về đời sống dân cư. Qua đó, nghiên cứu cho thấy ý thức văn hóa dân tộc, đóng góp người dân cho kinh tế địa phương, ý thức giáo dục và trật tự an ninh của địa phương,...

Về bền vững về văn hóa: Các mối quan hệ tương tác, phong cách sống, phong tục và truyền thống đều có thể thay đổi thông qua việc du nhập những thói quen, phong cách, phong tục và phương tiện trao đổi khác nhau của các du khách tới tham quan. Các tác động văn hóa dễ thấy hơn trong thời gian dài, ví dụ như có thể ghi nhận rõ ràng sự thay đổi văn hóa của nhiều cộng đồng địa phương, nhưng rất khó có khả năng đo lường các tác động này (De Kadt, 1979).

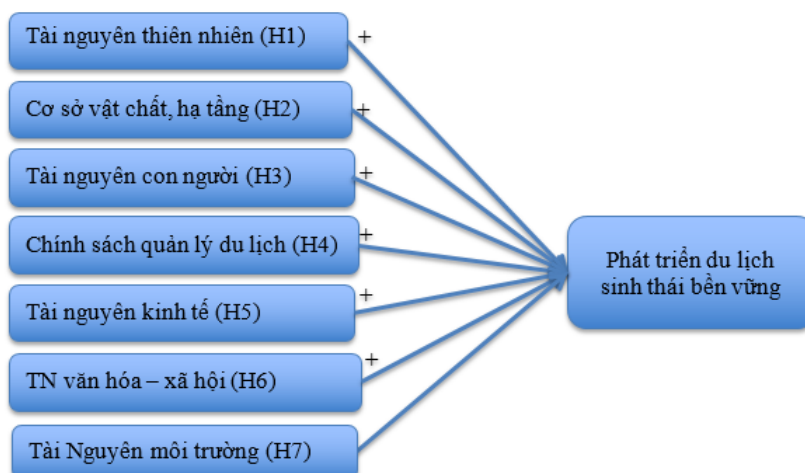
Về bền vững kinh tế: Là phát triển kinh tế nhanh và ổn định trong một thời gian dài. Tăng trưởng nhanh chưa chắc đã có được phát triển bền vững về mặt kinh tế. Vì thế phải luôn duy trì một tốc độ tăng trưởng ổn định hợp lý và lâu dài. Do vậy các hoạt động du lịch tạo ra sinh kế và lợi ích địa phương phải mang tính lâu dài, giảm thất nghiệp, cải thiện cuộc sống, nhưng không làm tổn hại đến các điều kiện phát triển khác của địa phương lâu dài như: tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên môi trường (Mowforth and Munt, 2015).

Chính sách quản lý du lịch: Ko (2005) cho rằng chính sách quản lý du lịch là rất quan trọng đối với người quản lý, nó là kim chỉ nam cho phát triển bền vững. Garcia- Melon *et al.* (2012) xác định chính sách quản lý du lịch có tác động đến phát triển bền vững, tạo ra sinh kế cho địa phương thúc đẩy, giảm nghèo, giảm thất nghiệp. Đồng với các quan điểm trên nhiều nghiên cứu khác cũng cho rằng chính sách quản lý ảnh hưởng hưởng phát triển bền vững như Wang and Pei (2014) và Uzun and Somuncu (2015).

Cơ sở vật chất – Hạ tầng kỹ thuật: Yếu tố cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật không kém phần quan trọng tại các điểm du lịch và giao thông thuận tiện đi đến điểm du lịch. Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật tốt sẽ dẫn đến mức độ di chuyển của du khách được nhiều hơn và làm tăng chi phí lợi nhuận cho địa phương và chi phí khác (Vũ Văn Đông, 2014). Từ các cơ sở lý thuyết trên mô hình nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái bền vững tỉnh Cà Mau được đề xuất với 7 biến độc lập và một biến phụ thuộc tại Hình 2.

2.2 Mô hình nghiên cứu

Từ cơ sở lý thuyết và nghiên cứu trước trong và ngoài nước tác giả tổng hợp xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau. Kết quả đã xác định được 7 nhân tố thuộc biến độc lập bao gồm: Nguồn tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng, nguồn lực con người, chính sách quản lý du lịch, nguồn lực kinh tế, tài nguyên Văn hóa – xã hội, tài nguyên môi trường. Biến phụ thuộc là phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau. Mô hình nghiên cứu đề xuất ở Hình 2.



Hình 2: Mô hình nghiên cứu đề xuất

(Nguồn: Tác giả nghiên cứu tổng hợp)

2.3 Phương pháp nghiên cứu

2.3.1 Thu thập số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của các cơ quan Nhà nước như: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Cục thống kê tỉnh Cà Mau, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Trung tâm Xúc Tiến Đầu Tư và Hỗ Trợ Doanh Nghiệp tỉnh Cà Mau và các báo cáo ngành du lịch 2017 - 2019; các số liệu báo cáo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu cụ thể như: lượng khách du lịch qua các năm trong giai đoạn nghiên cứu, mức độ che phủ rừng, tốc độ tăng trưởng qua các năm, cơ cấu GDP, GNP/người, chỉ số phát triển con người (HDI), bình quân thu nhập, mức độ ô nhiễm môi trường, chỉ số bình đẳng thu nhập, giáo dục, văn hóa,... và một số chỉ tiêu khác có liên đến phát triển du lịch bền vững.

2.3.2 Thu thập số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp du khách am hiểu về du lịch sinh thái bền vững tại 4 điểm du lịch trọng điểm Cà Mau với các nhà quản lý doanh nghiệp cùng các chuyên gia trong ngành du lịch trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Cỡ mẫu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp để giải quyết mục tiêu nghiên cứu đó là phân tích nhân tố khám phá. Theo Hair và ctv. (2006), trong nghiên cứu thì kích thước mẫu càng lớn càng tốt. Tuy nhiên, đối với với trường hợp tổng thể bị hạn chế số lượng thì còn có cách giới hạn lại. Đối với phân tích khám phá thì tỷ lệ mẫu và biến quan sát là 5:1 có nghĩa là 1 biến đo lường cần tối thiểu là 5 quan sát trong nghiên cứu sử dụng 48 biến để đo lường vậy $48 \times 8 = 384$ quan sát. Để đảm bảo mô hình có ý nghĩa và mang tính đại diện, theo Burns and Bush (1995), khi chọn mẫu cần xét 3 yếu tố, số lượng thay đổi tổng thể, độ chính xác mong muốn, mức tin cậy cho phép trong các ước lượng tổng thể thực hiện theo công thức sau:

$$n = z^2 \frac{p * q}{e^2} = 1,96^2 \frac{0,5 * 0,5}{0,05^2} \cong 385$$

n: cỡ mẫu; p: ước lượng tính tỷ lệ % của tổng thể; q = 1-p; e: sai số cho phép ($\pm 2\%$, $\pm 3\%$, $\pm 4\%$, $\pm 5\%$,...); Z: giá trị phân phối tương ứng với độ tin cậy lựa chọn (độ tin cậy là 95% thì $Z = 1,96$). Thông thường, tỷ lệ p và q được ước tính là 50%, 50%, đó là khả năng lớn nhất có thể xảy ra của tổng thể, do đó tác giả chọn 400 quan sát. Sau khi sà lọc còn lại 389 mẫu hợp lệ đưa vào phân tích.

Giả thuyết nghiên cứu

Nguồn tài nguyên thiên nhiên: Đo lường bằng 8 tiêu chí và được kế thừa và sửa đổi cho phù hợp điều kiện Việt Nam và từng lĩnh vực nghiên cứu của một

số tác giả sau (Hector, 1996; Hens, 1998; Machado, 2002; Derek, 2003; Moscardo, 2008; Sally, 2010). Bài viết sử dụng thang đo này vì nguồn tài nguyên thiên nhiên được Hector (1996) xây dựng và đo lường, đồng thời được Derek (2003) và các tác giả khác đã áp dụng và sửa đổi cho phù hợp với điều kiện nghiên cứu của họ. Các tiêu chí này được đo lường bằng thang đo Likert từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý). Từ đó đề xuất giả thuyết sau:

H1. Tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau

Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng: Đo lường bằng 8 tiêu chí và được kế thừa và sửa đổi cho phù hợp điều kiện Việt Nam và từng lĩnh vực nghiên cứu của một số tác giả sau: (Hens, 1998; Derek, 2003; Sue, 2006; Sally, 2010). Bài viết phối hợp các thang đo này vì Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng được Hens (1998) xây dựng và đo lường, đồng thời được Derek (2003) và các tác giả khác đã áp dụng và sửa đổi cho phù hợp với nghiên cứu của họ. Từ đó đề xuất giả thuyết sau:

H2. Cơ sở vật chất, hạ tầng ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau.

Tài nguyên con người: Đo lường bằng 7 tiêu chí và được kế thừa và sửa đổi cho phù hợp điều kiện Việt Nam và từng lĩnh vực nghiên cứu của một số tác giả sau: (Sue, 2006; Moscardo, 2008; Sally, 2010; Mansour, 2013). Bài viết sử dụng thang đo này vì nguồn lực con người được Sue Beeton, (2006) xây dựng và đo lường, đồng thời được Moscardo (2008) và các tác giả khác đã áp dụng và sửa đổi cho phù hợp với nghiên cứu của họ. Từ đó đề xuất giả thuyết sau:

H3. Tài nguyên con người ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau.

Chính sách quản lý du lịch: Đo lường bằng 7 tiêu chí và được kế thừa và sửa đổi cho phù hợp điều kiện Việt Nam và từng lĩnh vực nghiên cứu của một số tác giả sau (Hector, 1996; Hens, 1998; UNWTO, 2012). Bài viết sử dụng thang đo này vì chính sách quản lý du lịch được (Hector, 1996) xây dựng và đo lường, đồng thời được Hens (1998) và các tác giả khác đã áp dụng và sửa đổi cho phù hợp với nghiên cứu của họ. Từ đó đề xuất giả thuyết sau:

H4. Chính sách quản lý du lịch ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau.

Tài nguyên Kinh tế: Đo lường bằng 4 tiêu chí và được kế thừa và sửa đổi cho phù hợp điều kiện Việt Nam và từng lĩnh vực nghiên cứu của một số tác giả sau: (Murphy, 1994; Machado, 2002; Derek, 2003;

Kirsty, 2005;). Bài viết sử dụng thang đo này vì Tài nguyên Kinh tế được (Murphy, 1994) xây dựng và đo lường, đồng thời được (Machado, 2002; Derek, 2003) và các tác giả khác đã áp dụng và sửa đổi cho phù hợp với nghiên cứu của họ.

H5. Tài nguyên kinh tế ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau.

Tài nguyên văn hóa - xã hội: Đo lường bằng 5 tiêu chí và được kế thừa và sửa đổi cho phù hợp điều kiện Việt Nam và từng lĩnh vực nghiên cứu của một số tác giả sau: (Murphy, 1994; Martin and Ian, 1998; Martha, 1999; Machado, 2002). Bài viết sử dụng thang đo này vì tài nguyên văn hóa - xã hội được (Murphy, 1994) xây dựng và đo lường, đồng thời được (Martin & Ian, 1998) và các tác giả khác đã áp dụng và sửa đổi cho phù hợp với nghiên cứu của họ. Từ đó đề xuất giả thuyết sau:

H6. Tài nguyên văn hóa – xã hội ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau.

Tài nguyên môi trường: Đo lường bằng 4 tiêu chí và được kế thừa và sửa đổi cho phù hợp điều kiện Việt Nam và từng lĩnh vực nghiên cứu của một số tác giả sau: (Hector, 1996; Hens, 1998; Machado, 2002; Ibun, 2016). Bài viết sử dụng thang đo này vì

tài nguyên môi trường được (Hector, 1996) xây dựng và đo lường, đồng thời được Hens (1998) và các tác giả khác đã áp dụng và sửa đổi cho phù hợp với nghiên cứu của họ. Từ đó đề xuất giả thuyết sau:

H7. Tài nguyên môi trường ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Cà Mau.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đặc điểm mẫu khảo sát

Kết quả thống kê cho thấy, tỷ lệ nam và nữ trong mẫu khảo sát khá tương đồng, với tỷ lệ tương ứng 48,6% nam và 51,4% nữ. Về độ tuổi, phần lớn du khách trong độ tuổi 18 – 35 tuổi, chiếm 50,6%, có 28% du khách độ tuổi 36 – 55 tuổi, độ tuổi nhỏ hơn 18, chiếm 15,9%, độ tuổi lớn hơn 55 tuổi 5,4%. Tình trạng khách du lịch đã kết hôn 51,4% và độc thân 38,6%. Bên cạnh đó, khách du lịch là nhân viên văn phòng chiếm khá cao 72,0%, làm công tác quản lý 20,1%. Thu nhập khách du lịch từ 4 - 7 triệu đồng/tháng chiếm 48,1% và thu nhập từ 8 – 10 triệu chiếm 22,1%. Đặc biệt khách du lịch từ tỉnh khác đến chiếm tỷ lệ rất cao 91,8%, khách tại địa phương rất thấp chỉ có 7,5%. Số liệu cụ thể được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1: Thống kê mẫu theo đặc điểm nhân khẩu học

Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Độ tuổi	<18	62	15,9
	18-35	197	50,6
	36-55	109	28,0
	>55	21	5,4
	Tổng	389	100,0
Giới tính	Nam	189	48,6
	Nữ	200	51,4
	Tổng	389	100,0
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	150	38,6
	Đã kết hôn	200	51,4
	Đã ly dị	39	10,0
	Tổng	389	100,0
Nghề nghiệp	Học sinh	6	1,5
	NVVP	280	72,0
	Quản lý	78	20,1
	Chủ doanh nghiệp	25	6,4
	Tổng	389	100,0
Thu nhập	<3 Triệu đồng	89	22,9
	4-7 Triệu đồng	187	48,1
	8-10 Triệu đồng	86	22,1
	> 10 Triệu đồng	27	6,9
	Tổng	389	100,0
Nơi ở	Cà Mau	29	7,5
	Tỉnh khác	357	91,8
	Quốc gia khác	3	,8
	Tổng	389	100,0

(Nguồn: Tác giả khảo sát năm, 2019)

3.2 Kiểm định thang đo lường

Kết quả kiểm định 7 thang đo gồm: Nhân tố tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực con người, cơ sở vật chất, xã hội, kinh tế, chính sách, môi trường và một

biến phụ thuộc nhân tố bền vững hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 và hệ số tương quan tổng biến của các biến quan sát đều > 0,3. Vì vậy, tất cả các biến đều được đưa vào để phân tích xoay nhân tố, kết quả xoay nhân tố được trình bày ở phần sau.

Bảng 2: Kết quả xoay nhân tố các biến độc lập

Ký hiệu	Các nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
VC2: Hệ thống giao thông ở Cà Mau đáp ứng	,984						
VC6: Nước sinh hoạt đáp ứng	,965						
VC4: Mạng điện thoại phủ sóng tốt	,963						
VC3: Các điểm du lịch có internet	,953						
VC7:Trạng thiết bị tại nơi lưu trú hiện đại	,920						
VC8: Cà Mau có nhiều khu vui chơi giải trí về đêm	,906						
VC5: Điện đường sinh hoạt ổn định	,845						
CN1: Người Cà Mau thân thiện, mến khách	,868						
CN7: Các điểm đến đều có hướng dẫn viên	,811						
CN3: Nhân viên ở các cơ quan nhà nước thân thiện, gần gũi	,780						
CN4: Người dân rất có ý thức bảo vệ môi trường	,775						
CN5: Người dân rất quan tâm đến bảo tồn di sản	,766						
CN2: Nhân viên phục vụ tại các điểm du lịch vui vẻ, chuyên nghiệp	,736						
CN6: Có nhiều người dân tham gia phát triển du lịch cộng đồng	,692						
TN1: Cà Mau có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp phù hợp với DL sinh thái	,823						
TN2: Cà Mau có nhiều khu du lịch sinh thái ấn tượng	,809						
TN5: Khu du lịch Đất Mũi là khu DL sinh thái rất độc đáo của Cà Mau	,738						
TN6 Rừng U Minh là khu DL sinh thái lý tưởng	,732						
TN3: Cà Mau có khu bảo tồn sinh quyển được thế giới công nhận rất phù hợp để phát triển DL sinh thái bền vững	,713						
TN4: Cà Mau có nhiều khu du lịch cộng đồng thân thiện	,711						
TN7: Khí hậu Cà Mau rất dễ chịu phù hợp với DL sinh thái	,541						
KT1: Cà Mau có nhiều đặc sản địa phương có giá trị	,977						
KT2: Cà Mau có nhiều loại hình phát triển du lịch sinh thái	,955						
KT3 Sản phẩm du lịch Cà Mau rất phong phú	,862						
KT4:Cà Mau có nhiều doanh nghiệp lớn tham gia phát triển du lịch sinh thái	,843						
XH1: Cà Mau có nhiều di sản văn hoá	,960						
XH4: Có nhiều câu chuyện, bài hát nổi tiếng gắn liền với Cà Mau	,882						
XH3: Cà Mau có nhiều khu di tích lịch sử có giá trị	,857						
XH2: Cà Mau có nhiều lễ hội nổi tiếng	,754						
VC1:Phương tiện giao thông ở Cà Mau đáp ứng yêu cầu	,528						
CS6: Không có rác thải tại các điểm đến	,952						
CS4: Giá cả hàng hóa tại các điểm đến được niêm yết rõ ràng	,937						
CS3: Có nhiều công trình được tôn tạo và phục dựng	,679						
CS2: Có nhiều biển báo tuyên truyền về phát triển du lịch bền vững	,651						
MT4: Môi trường sinh thái ở các khu DLST ở Cà Mau không bị tàn phá	,674						
MT1: Thời tiết, khí hậu ở Cà Mau rất phù hợp cho phát triển du lịch sinh thái bền vững	,649						
CS1: Các điểm đến đều thấy có biển báo bảo vệ môi trường	,636						
MT3: Cà Mau có hệ sinh thái đa dạng	,601						
MT2: Không khí ở Cà Mau rất trong lành	,601						
	Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin).						,882
	Hệ số. Chi-Square						17200,245
	Df						741
	Sig.						,000
	Hệ số tổng phương sai trích						66,993

(Nguồn: Tác giả khảo sát phân tích năm 2019)

Kết quả xoay nhân tố cho thấy hệ số KMO = 0,882, hệ số tổng phương sai trích = 0,66993 > 50%, kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig<0,05) và các nhân tố tải bất kỳ đều > 0,3. Đồng thời có 4 biến có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0,5 nên bị loại bỏ gồm: TN8, XH 5, CS5, CS7. Sau khi loại bỏ các nhân tố không đạt yêu cầu còn lại 39 nhân tố, phân tích tiếp cho thấy kết quả xoay nhân tố các biến độc lập của chuyên đề đạt giá trị.

Kết quả xoay nhân tố các biến phụ thuộc cho thấy hệ số KMO = 0,811, hệ số tổng phương sai trích = 0,51591 > 50%, kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig<0,05) và các nhân tố tải bất kỳ đều > 0,3. Điều này cho thấy kết quả xoay nhân tố các biến phụ thuộc đạt giá trị. Kết quả cụ thể được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3: Kết quả xoay nhân tố các biến phụ thuộc

BV1: Tôi nhận thấy các khu du lịch sinh thái ở Cà Mau phát triển bền vững	,673
BV5: Tôi nhận thấy chính quyền Cà Mau rất quan tâm đến phát triển du lịch sinh thái bền vững	,666
BV2: Cà Mau có tài nguyên thiên nhiên phong phú thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái bền vững	,621
BV4: Tôi nhận thấy du lịch sinh thái ở Cà Mau phát triển bền vững về môi trường	,610
BV3: Cà Mau có nhiều đặc sản địa phương giúp phát triển du lịch sinh thái bền vững	,571
Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)	,811
Hệ số Chi-Square	
	422,454
	df
Kiểm định Bartlett's	10
	Sig.
	,000
Hệ số tổng phương sai trích	
	51,591

(Nguồn: Tác giả khảo sát phân tích năm 2019)

3.3 Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Kết quả hồi qui lần 1 biến nhân tố hạ tầng kỹ thuật (H2) có sig = 0,570 > 0,05, nên loại biến và phân tích hồi quy lần 2. Kết quả hồi quy lần 2 cho thấy hệ số R² điều chỉnh = 0,611, điều này có nghĩa

là các biến độc lập có thể giải thích được 61,1% ý nghĩa của biến phụ thuộc. Giá trị sig = 0,000 cho thấy mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê. Hệ số VIF <10 điều này cho thấy không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 4: Kết quả hồi quy bội lần 2

R					,785 ^a
R ²					,617
R ² điều chỉnh					,611
Sig. F Change					,000
Durbin-Watson					1,353
Model	Hệ số Beta chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
				Tolerance	
(Constant)		,000	1,000		
Con người	,080	2,152	,032	,719	1
Tài nguyên	,147	3,825	,000	,677	1
Kinh tế	,472	12,685	,000	,724	1
Xã hội	,145	3,305	,001	,520	1
Chính sách	,095	2,656	,008	,780	1
Môi trường	,122	3,044	,002	,625	1

(Nguồn: Tác giả khảo sát phân tích năm 2019)

Từ Kết quả hồi quy cho thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Cà Mau theo mẫu nghiên cứu và có khả năng giải thích 61,1% độ phù hợp của mô hình. Nhân tố tác động mạnh nhất là tài nguyên kinh tế beta = 0,472 theo nghiên cứu Wall et al., (1982) điểm đến du lịch có thể được coi là mang tính cạnh tranh khi điểm đến đó cung cấp các sản phẩm hấp dẫn và cao cấp

so với sản phẩm và dịch vụ của các điểm đến khác và cùng nhắm vào một phân khúc thị trường. Kế đến là tài nguyên thiên nhiên beta =0,147 theo nghiên cứu trước đây như Poon (1993) & Vanhove (2002) cho rằng đặc điểm tự nhiên và các quá trình sinh thái xảy ra trong một khu vực gồm khung cảnh đẹp và phong cảnh, khí hậu, địa hình, động vật hoang dã và

thảm thực vật, rất quan trọng đối với loại hình và mức độ du lịch trong một khu vực.

Kết tiếp là nhóm nhân tài nguyên văn hóa - xã hội $\beta = 0,145$ theo nghiên cứu Hens (1998) chỉ ra rằng phát triển du lịch bền vững đòi hỏi sự quan tâm của các bên có liên quan đến việc quản lý các nguồn tài nguyên theo các cách thức khác nhau nhằm khai thác và cung cấp các sản phẩm du lịch đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hóa, đa dạng hệ sinh thái và bảo đảm sự sống cho thế hệ mai sau. Kế đến là nhân tố tài nguyên môi trường $\beta = 0,122$ theo nghiên cứu của Mair (2011) coi du lịch sinh thái, dựa vào bảo vệ môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường sẽ đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Nhiều nghiên cứu khác cũng cho rằng phát triển du lịch sinh thái nếu không kiểm soát sẽ ảnh hưởng đến môi trường và khi đó khách sẽ không quay lại những nơi mà môi trường bị ô nhiễm, (Shrode, 2012; Heimlich and Ardoin, 2012; Nishiyama and Terasawa, 2013). Đối với nhân tố chính sách quản lý du lịch $\beta = 0,095$ theo nghiên cứu David (2015) cho rằng chính trị và kinh tế của các xã hội cung cấp và tiếp nhận du khách có vai trò quan trọng trong du lịch trong các xã hội.

Cuối cùng, nhân tố ảnh hưởng thấp nhất là nhân tố con người $\beta = 0,08$ theo nghiên cứu trước đây đều thừa nhận nhân tố tài nguyên con người ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững như Davies, (1990); Schumacher (1994); Brown (2000) cho rằng các yếu tố để phát triển du lịch sinh thái trong đó nhân viên chăm sóc khách cần thận, hiểu khách yêu cầu, và có sẵn sàng phục vụ là một trong những điều quan trọng. Qua đó tác giả khuyến nghị đến chính quyền địa phương và cơ quan quản lý du lịch trên địa bàn cần quan tâm và vận động người dân, tuyên truyền, tổ chức Hội thảo, phổ biến đến người dân không tàn phá hệ sinh thái đặc thù Cà Mau bừa bãi. Luôn trân trọng và mến khách, nhiệt tình, niềm nở trong kinh doanh du lịch và quan tâm đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Thông qua việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái tỉnh Cà Mau, kết quả phân tích chỉ ra có 6 nhân tố ảnh hưởng đó là: (i) Tài nguyên kinh tế, (ii) tài nguyên thiên nhiên, (iii) tài nguyên văn hóa - xã hội, (iv) tài nguyên môi trường, (v) chính sách quản lý du lịch, (vi) tài nguyên con người. Mỗi nhóm yếu tố đều có những đóng góp tích cực, góp phần làm tăng sự phát triển du lịch sinh thái Cà Mau. Trong 6 nhân tố đó thì (i) Tài nguyên kinh tế và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng mạnh nhất

đến phát triển du lịch sinh thái bền vững Cà Mau, nhân tố ảnh hưởng thấp nhất là nguồn lực con người. Tuy nhiên qua kết quả phân tích, cũng tồn tại nhiều hạn chế làm cho hoạt động du lịch sinh thái bền vững ở địa phương gặp nhiều khó khăn. Chính vì thế, bài viết đề xuất một số ý kiến như sau, nhằm nâng cao sự phát triển du lịch sinh thái tỉnh Cà Mau.

Đối với chính quyền: chính quyền cần chú trọng tìm hướng thu hút du khách, tăng cường quảng bá du lịch sinh thái Cà Mau qua nhiều kênh (truyền hình, hội chợ, triển lãm du lịch, Internet, phim ảnh, MV ca nhạc, đại sứ du lịch) cần tập trung phát triển các loại hình du lịch đa dạng gắn liền với thiên nhiên đặc thù Cà Mau và sản phẩm du lịch sinh thái, rừng và biển đảo làm hướng chủ đạo, làm kiếm chi nam cho ngành du lịch Cà Mau đột phá. Bên cạnh đó ngăn chặn tình trạng xả rác bừa bãi gây ô nhiễm, tạo ý thức phát triển và bảo tồn động vật hoang dã và lâm sinh. Do vậy, cần quy hoạch, đầu tư nuôi thả thú rừng tạo sản phẩm du lịch, tuyệt đối ngăn cấm săn bắn thú rừng cũng như tàn phá tài nguyên thiên nhiên hoang dã. Song song đó giải quyết những khó khăn về hệ thống giao thông như: đầu tư cải thiện đường bộ, thành lập các điểm phụ trợ vận chuyển khách du lịch đến các khu du lịch sinh thái, hình thành các loại hình du lịch sông nước. v.v.

Đối với các khu sinh thái: nếu muốn tăng nguồn thu từ du lịch, thì trước hết phải cải thiện chất lượng dịch vụ, đổi mới sáng tạo, đào tạo đội ngũ quản lý, nhân viên phục vụ. Chú trọng bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, phối hợp bảo vệ tài nguyên, cảnh quan, quy hoạch lại không gian và tổng thể phát triển du lịch trong dài hạn, gắn liền với quy hoạch liên vùng, quan tâm đến bản sắc văn hóa, lễ hội, di tích lịch sử đậm đà bản sắc dân tộc, khôi phục các làng nghề, khôi phục lại những bài ca truyền thống về Cà Mau và những mẫu chuyện Bác Ba Phi (Nguyễn Long Phi)....

Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo: kết quả nghiên cứu của nghiên cứu cho thấy mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Cà Mau chỉ giải thích được 61,1%, phương sai trích điều > 50% mô hình, còn lại 38,9% bởi các biến khác tác giả chưa có điều kiện tìm hiểu, mong sao có những nghiên cứu sau sẽ tiếp tục bổ sung tìm hiểu. Đây được xem như là một hạn chế của nghiên cứu này. Thứ 2, nghiên cứu này chưa phổ biến khảo sát khách nước ngoài và phạm vi nghiên cứu chưa rộng cho cả khu vực, cỡ mẫu chưa nhiều. Do cỡ mẫu còn nhỏ hoặc thang đo chưa thật sự phù hợp. Vì vậy tác giả đề xuất cho nghiên cứu tiếp theo là nên mở rộng những hạn chế hoặc nghiên cứu bổ

sung thêm các nhân tố khác như sự hài lòng hay liên kết vùng du lịch, liên kết trong và ngoài nước,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brown, H. D., 2000. Principles of language learning and teaching (Vol. 4). New York: Longm
- Butler, R., Nelson, J. G., Wall, G. (Eds.). (1993). Tourism and sustainable development: monitoring, planning, managing (No. 37). University of Waterloo Department of Geography.
- Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, 2009. Xử lý ô nhiễm trường ô nhiễm nông thôn và một số cảnh báo về môi trường. Hội thảo khoa học môi trường UBND tỉnh Nam Định phối hợp tổ chức ngày 28/4, tại Nam Định.
- Burns, A. C., Bush, R. F., 1995. Marketing research. New Jersey: Prentice Hall.
- Đào Thị Bích Nguyệt, 2012. Phát triển du lịch Nha Trang (Khánh Hòa) theo hướng bền vững. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Sư Phạm TP.HCM.
- De Kadt, E., 1997. Tourism: Passport to Development, perspectives on the social and cultural effects of tourism in development, 26(3): 431-445.
- David H., 2015. Development theory and tourism in developing countries: what has theory ever done for us?.
- Davies, M., 1990. Wildlife as a tourism attraction, Environment, 20(3): 74-77.
- Derek Hall., 2003. Tourism and Sustainable Community Development. Routledge. Routledge 2000, 314 page.
- Garcia – Melon, M., Gomez – Navarro, T., & Acua-Dutra, S., 2012. A combined ANP-delphi approach, to evaluate sustainable tourism, Environmental impact Assessment Review, 34: 41-50.
- Hector Ceballos-Lascurain., 1996. Ecotourism and Protected Areas: The State of Nature - Based Tourism Around the world and guidelines for Its Development. Island Press, 1996. New York, 301 page.
- Hens, L., 1998. The development of indicators and core indicators for sustainable development: a state of the art review. International Journal of Sustainable Development. New York, 13-15 December 2005.
- Heimlich, J. E., Ardoin, N. M., 2012. Understanding behavior to understand behavior change: A literature review. Environmental education research, 14(3): 215–237.
- Hair, J. F., Black, B., Babin, B., Anderson, R.E. & Tatham, R.L., 2006. Multivariate data analysis. Prentice-Hall. International, Inc.
- Ibun Kombo., 2016. Factors affecting eco-tourism development in zanzibar. Ijrdo-Journal of Social Science and Humanities Research, 1(8): 141-166.
- Ko, T. G., 2005. Development of a tourism sustainability assessment procedure: a conceptual approach, Tourism management, 26(3): 431-445.
- Machado, A., 2002. Organization of tourism and sustainability [text in Spanish]. pp. 99- 107 in: Jornadas Técnicas sobre el Avance de las Directrices de Ordenación del Turismo de Canarias.– Universidad de La Laguna.
- Maldonado, S.C., 1992. Ecological Tax Reform: A policy proposal for sustainable development (No. Inves-ET P 01 W436e), cepal, Santiago (Chile).
- Mair, P., 2011. The Election in context, in M. Marsh and M. Gallagher (eds), Houndmills, Basingstoke: Palgrave Macmillan.
- Mansour, E., Z., Mansour, E., Z., 2013. The impacts of tourism industry on host community. European Journal of Tourism Hospitality and Research, 1(2): 21.
- Murphy, P., 1994. Tourism and sustainable development. In *Global tourism* (Vols. next decade, . Oxford: Butterworth , pp. 274-290). Oxford:: Butterworth.
- Machadol, p. M., 2003. Building community capacity for tourism development: conclusions. *Wallingford, Oxfordshire* (pp. 172-179). UK: CABI.
- Martha H., 1999. Ecotourism and sustainable development. *Du lịch sinh thái và phát triển bền vững*. Washington, DC : Island Press.
- Martin M., I. M., 1998. Tourism and Sustainability: New Tourism in the Third World. Psychology Press.
- Moscardo G., 2008. Building community capacity for tourism development: conclusions. Wallingford, Oxfordshire (pp. 172-179). UK: CABI.
- Murphy, P., 1994. Tourism and sustainable development. In *Global tourism* (Vols. next decade, Oxford: Butterworth, pp. 274-290). Oxford: Butterworth.
- Mowforth, M., Munt, I., 2015. Tourism and sustainability: Development, globalization pennsylvania Press.
- Nguyễn Thành Sang, 2014. Đánh giá tiềm năng tuyến điểm du lịch sinh thái tỉnh Bạc Liêu. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần D: Kinh tế và pháp luật: 30(2014): 73-83.
- Nishiyama, M., Terasawa, T., 2013. Long-lasting implicit memory for unfamiliar faces revealed by an indirect recognition procedure - Shinrigakukenkkyu. The Japanese journal of psychology, 83(6): 526-535.
- Poon, A., 1993. Tourism, Technology and Competitive Strategies. CAB International, Wallingford, UK.
- Murphy. P., 1996. Tourism: A Community Approach. Routledge, 1985. London, 200 page.

- Stonich, S. C., 1995. The environmental quality and social justice implications of shrimp mariculture development in Honduras. *Human Ecology*, 23(2), 143-168.
- Sally A., 2010. Effective Community Based Tourism: A Best Practice Manual. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC).
- Sue B., 2006. Community Development Through Tourism. CSIRO Publishing, 2006. Wilmington, DE, U.S.A, 240 pages.
- Shrode, F., 2012. Mobile apps for nature field guides. - *Reference Reviews* 26(7): 4-6.
- Schumacher, U., 1994. On the effect of emissions from aircraft engines on the state of the atmosphere. *Ann. Geophysicae* 12, 365–384.
- Uzun, F. V., Somuncu, M., 2015. Evaluation of the Sustainability of Tourism in Ihlara valley and Suggestions, *European Journal of Sustainable Development*, 4(2): 165-174.
- UNWTO, 2012. Sustainable development of tourism: FAQ – Climate change and tourism. Retrieved June 2014 from World Tourism Organization Network: <http://sdt.unwto.org/en/content/faq-climatechange-and-tourism>
- Vanhove, N., 2002. Tourism policy-between competitiveness and sustainability: The case of Bruges. *57(3)*: 34.
- Wang, Z.X., Pei, L., 2014. A systems thinking-based grey model for sustainability evaluation of urban tourism, *Kybernetes*, 43(3/4): 462-479.
- Wall, J.S., Hainfeld, J.F., Bartlett, P.A & Singer, S.J., 1982. Observation of an undecagold cluster compound in the scanning transmission electron microscope. *Ultramicroscopy* 8: 397-402.
- Vũ Văn Đông, 2014. Phát triển du lịch bền vững Bà Rịa – Vũng Tàu. Hà Nội: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.